

Số: 1638/TĐC-HCHQ

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2023

**GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp;

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Quyết định số 08/2019/QĐ-TTg ngày 15 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Đánh giá hợp chuẩn và hợp quy, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng chứng nhận:

1. Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL

Địa chỉ: số 08, ngách 127/30, ngõ 127, phố Văn Cao, Phường Liễu Giai, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: số 51, ngõ 140/1, đường Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024.66800338; E-mail: info@tqc.vn

Đã đăng ký hoạt động chứng nhận đối với tổng hợp đa ngành trong lĩnh vực **chứng nhận hệ thống thực hành sản xuất tốt thực phẩm (GMP Codex)** và **chứng nhận sản phẩm** (chi tiết theo phụ lục kèm theo Giấy chứng nhận này).

2. Số đăng ký: 50/CN-TĐC.

3. Giấy chứng nhận này được cấp lần 4 và có hiệu lực đến ngày 14/11/2027.

Nơi nhận:

- TT Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL;
- Bộ KH&CN (để b/c);
- PTCT Phụ trách Hà Minh Hiệp (để b/c);
- Lưu: VT, HCHQ.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Linh



Phụ lục

**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA
ĐĂNG KÝ LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHỨNG NHẬN**

(Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận số: 1638/TĐC-HCHQ ngày 04 tháng 6 năm 2023
của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng)

STT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật
1.	Thực hành nuôi trồng thủy sản tốt (VietGAP)	TCVN 13528-1:2022
2.	Thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường thủy sản	- Các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu quản lý được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm, hàng hóa - Các quy định kỹ thuật và quản lý quy định tại QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT, QCVN 02-31-2:2019/BNNPTNT, QCVN 02-31-3:2019/ BNNPTNT, QCVN 02-32-1:2019/BNNPTNT, QCVN 02-32-2:2020/BNNPTNT, QCVN 01-190:2020/BNNPTNT và sửa đổi 1:2021 QCVN 01-190:2020/BNNPTNT
3.	Ván gỗ nguyên dùng cho ốp trần và tường	TCVN 13555:2022
4.	Viên nén gỗ	TCVN 13534:2022; TCVN 13535:2022
5.	Gỗ và sản phẩm gỗ	TCVN 13533:2022
6.	Keo dán gỗ, chất kết dính gỗ	- TCVN 11684-1:2016 (ISO 20152-1:2010); - Các yêu cầu kỹ thuật và yêu cầu quản lý được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật quản lý liên quan đến sản phẩm, hàng hóa - Các quy định kỹ thuật và quản lý quy định tại QCVN 03-01:2022/BNNPTNT
7.	Đồ gỗ ngoài trời	TCVN 13554-1:2022; TCVN 13554-2:2022; TCVN 13554-3:2022
8.	Mặt bích ống, mặt bích thép	TCVN 11700-1:2016 (ISO 7005-1:2011); DIN EN 1902-1
9.	Miếng thép, tấm gang thép có phủ lớp mạ các loại	TCVN 8991:2021; TCVN 8993:2021; TCVN 8994:2021; JFS A 1001:2014, JIS G 3113:2018, JIS G 3131:2010+Amd 1:2011; JIS G 3134:2018, JIS G 3132:2018. JFS A 3011:2020, ASTM A653/A653M-20, AS 1397:2021; BS EN 10346:2015, JIS G 3302:2010+Amd 1:2012
10.	Tôn sóng, tấm tôn thép mạ	JIS G 3101:2020; JIS G 3312:2012+Amd 1:2013; JIS G 3322:2019; JIS 3141:2021; JIS G 3133:2021; JIS G 3135:2018; JFS A 2001:2014; SAE J403 DEC2009; ASTM A1008/ A1008M-21a

11.	Dây thép buộc, cáp, dây thép	TCVN 2053:1993; BS EN 10244-2:2009; BS 1052:1980; TCVN 5757:2009 (ISO 2408:2004); JIS G 3525:2013; JIS G 3522:2014
12.	Cột thép, thanh cột đèn bằng thép	TCVN 1766:1975; TCVN 1651-1:2018; JIS G 3503:2020; JIS G 3505:2017; JIS G 3112:2020, JIS G 3350:2021
13.	Lưới thép, dây thép gai	TCVN 5758:1993; TCVN 2053:1993
14.	Bóng đèn sợi đốt, đèn điện, đèn chiếu sáng thông thường	TCVN 7896:2015; TCVN 7592:2006; TCVN 7672:2014; IEC 62560:2015; IEC 62722-2-1:2014; IEC 62612:2013; IEC 62776:2014;
15.	Xi măng hỗn hợp, xi măng poóc lăng các loại	TCVN 6069:2018, ASTM C595/C595M:2021; BS EN 197-1:2011
16.	Bê tông phun trong công trình giao thông	TCVN 13509:2022
17.	Vật liệu chịu lửa, gạch chịu nhiệt, gạch cao alumin	TCVN 7710:2007; TCVN 7484:2005
18.	Ô ngăn hình mạng trong xây dựng hạ tầng công trình	TCVN 10544:2014

Ghi chú: Đối với các sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để quản lý, Trung tâm Kiểm nghiệm và Chứng nhận TQC CGLOBAL phải thực hiện theo các quy định này trước khi thực hiện chứng nhận.

 _____